

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2024.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Tiến Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 835/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số C T, Phường A, thành phố Đ.

- Bị đơn: Anh Hồ Sỹ L, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số C T, Phường A, thành phố Đ.

(Chị H có mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2023 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh L có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, có tổ chức đám cưới theo tập quán. Qua 15 năm chung sống thì 04 năm trở lại đây hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau, dẫn đến không có tiếng nói chung.

Anh Linh hay bài bạc và có người phụ nữ khác ở bên ngoài và đã có con riêng. Về chứng cứ hiện chị không có. Chị đã làm đơn ly hôn tháng 8/2023 nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó đến nay anh L cũng không thay đổi gì.

Hiện chị làm tự do tháng 8.000.000đ/tháng còn anh L chủ thầu điện nước thu nhập hàng tháng 20.000.000đ/tháng. Vợ chồng ở cùng nhà, ăn uống chung nhà nhưng không ngủ chung từ tháng 8/2023 đến nay.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: vợ chồng anh chị có 03 con chung gồm: Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010; Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015; Hồ Sỹ Đăng K, sinh ngày 07/4/2020. Nguyên vọng của chị muốn nuôi cả 03 con vì chị không muốn ba đứa con phải chia cắt nhau.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con chung mỗi con 2.000.000đồng/tháng; tổng 6.000.000đồng/tháng/03 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

** Bị đơn anh Hồ Sỹ L trình bày:*

Về ngày tháng kết hôn như chị H trình bày là đúng. Hiện anh đang làm chủ thầu điện nước. Nay chị H đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung: chị H đề nghị được nuôi cả 03 con và yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 con chung mỗi con 2.000.000đồng/tháng; tổng 6.000.000đồng/tháng/03 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H, giải quyết cho chị H và anh L được ly hôn. Giao 03 con chung Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010; Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015; Hồ Sỹ Đăng K sinh ngày 07/4/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/con chung

cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị H và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nay chị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh L nhưng anh L không đồng ý; hiện nay bị đơn anh L đang sinh sống tại Phường A, thành phố Đ. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh L đã được tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Hồ Sỹ L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/12/2008. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là có trên thực tế và hai người đã có 03 con chung.

Theo chị H vợ chồng sống hạnh phúc nhưng 04 năm trở lại đây hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau, dẫn đến không có tiếng nói chung. Vào tháng 8/2023, chị đã làm đơn xin ly hôn với anh L nhưng sau đó chị cũng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó đến nay anh L cũng không thay đổi gì, vợ chồng ngủ riêng từ tháng 8/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh L trình bày không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng anh L cũng không có giải pháp gì để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm và anh L bỏ về không ký vào biên bản. Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L cũng vắng mặt, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cung cấp Quyết định đình chỉ giải

quyết vụ án số 193/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt là phù hợp với lời khai của chị H.

Theo biên bản xác minh ngày 26/02/2024 (bút lục 24) thì: Mâu thuẫn hôn nhân của chị H và anh L chính quyền địa phương không nắm được vì chị H, anh L không thông báo và không đề nghị Ủy ban nhân dân phường H1. Anh L2 và chị H đang sinh sống tại số C T, Phường A, thành phố Đ. Về cách nuôi dạy con chung: anh L2 và chị H nuôi dạy con chung tốt.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác”.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị H cũng xác định vợ chồng anh chị không chia sẻ, không nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không sinh hoạt vợ chồng từ tháng 8/2023 đến nay. Nay chị cũng xác định không còn tình cảm với anh L2 nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Hồ Sỹ L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh L là có trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có, do đó chị H yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị H và anh L có 03 con chung là Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010; Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015; Hồ Sỹ Đăng K sinh ngày 07/4/2020. Khi ly hôn chị H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung. Chị H trình bày chị làm buôn bán tự do thu nhập hàng tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ còn anh L thì làm thầu điện nước thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L cũng xác nhận anh làm thầu điện nước. Anh L2 không có văn bản trình bày ý kiến gì về con chung hay việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi thì: Theo bản tự khai của con chung Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015 (bút lục số 25) và bản tự khai của con chung Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010 (bút lục số 26) đều trình bày ba mẹ ly hôn có nguyện vọng ở với mẹ là Nguyễn Thị H. Còn con chung Hồ Sỹ Đăng K sinh ngày 07/4/2020 còn nhỏ.

Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các con chung, không làm xáo trộn môi trường sống của các con chung nên Hội đồng xét xử cần

giao 03 con chung Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010; Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015; Hồ Sỹ Đăng K sinh ngày 07/4/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là 2.000.000đ/tháng/01 con chung:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nghĩa vụ nuôi dưỡng các con chung là thuộc về cha mẹ, hiện chị H làm buôn bán tự do còn anh L2 làm thầu điện nước đều có thu nhập. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định thì: “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay các con chung của anh L2 và chị H đều đang ở độ tuổi đi học, để các con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các con thì yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung, tổng cộng 6.000.000đ/tháng/03 con chung là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh L2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị H là 2.000.000đ/tháng/01 con chung cụ thể: Anh Linh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010 là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Cấp dưỡng cho con chung Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015 là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Cấp dưỡng cho con chung Hồ Sỹ Đăng K sinh ngày 07/4/2020 là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi các con chung kể từ tháng 4/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2.3] Về tài sản chung:

Chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung:

Chị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Nguyên đơn chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000069 ngày 16/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn anh L2 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 55, 56, 57, 58, khoản 2 Điều 82, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với đối với bị đơn anh Hồ Sỹ L. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Hồ Sỹ L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 03 con chung Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010; Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015; Hồ Sỹ Đăng K sinh ngày 07/4/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Hồ Sỹ L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng/01 con chung cụ thể: Anh L2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Hồ Sơn L1, sinh ngày 16/5/2010 là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Cấp dưỡng cho con chung Hồ Hạnh N, sinh ngày 14/02/2015 là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Cấp dưỡng cho con chung Hồ Sỹ Đăng K sinh ngày 07/4/2020 là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi các con chung kể từ tháng 4/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000069 ngày 16/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn anh Hồ Sỹ L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng anh Hồ Sỹ L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP. Đà Lạt;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Dương Thị Liên